

Bản án số: 06/2023/HS-ST
Ngày 13-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Kim Quy.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Nguyễn Thị Phương - Cán bộ nghỉ hưu;
- Ông Tô Đình Cam - Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Trung - Thư ký viên của Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà:
Ông Tạ Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 13/01/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 61/2022/TLST-HS ngày 30/11/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 88/2022/QĐXXST-HS ngày 29/12/2022, đối với các bị cáo:

1. Chảo Đức S, tên gọi khác: Không, sinh ngày 17/10/1986, tại huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú thôn L, xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chảo Văn T, sinh năm 1964 và bà Lò Thị S2, sinh năm 1966; vợ: Giàng Thị L, sinh năm 1993; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2018 bị Công an huyện M xử phạt số tiền 1.000.000^d về hành vi Đánh bạc; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/6/2022.

2. Vàng Mí L, tên gọi khác: Không, sinh ngày 27/3/1992, tại huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú thôn S, xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vàng Mí C, đã chết và bà Vừ Thị M, sinh năm 1969; vợ: Lầu Thị D, sinh năm 1996; con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/6/2022.

3. Lầu Mí T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 24/8/1985, tại huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn K, xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: Không; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lầu Mí C, đã chết và bà Ly Thị C, sinh năm 1950; vợ, con: Không có; tiền án, tiền sự có 02 tiền án: Bản án số 10/2013/HSST ngày 23/12/2013 của Tòa án nhân dân (gọi tắt là TAND) huyện M xử phạt 30 tháng tù giam về tội "Trộm cắp tài sản"; Bản án số 37/2018/HSST ngày 12/7/2018 của TAND tỉnh Hà Giang xử phạt 03 năm tù về tội "Tổ chức cho người khác trốn đi nước ngoài", chưa được xóa án tích; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/6/2022.

4. Thò Mí L2, tên gọi khác: Không, sinh ngày 25/5/1997, tại huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thò Mí C, sinh năm 1974 và bà Lầu Thị V, sinh năm 1971; vợ: Cháng Thị C, sinh năm 1996; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/6/2022.

5. Lầu Mí S3, tên gọi khác: Không, sinh ngày 01/01/1997, tại huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lầu Mí L, sinh năm 1971 và bà Vừ Thị G, sinh năm 1973; vợ: Sầm Thị M, sinh năm 2000; con: Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2018, nhỏ nhất sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/6/2022.

6. Lầu Mí S4, tên gọi khác: Không, sinh ngày 11/9/2001, tại huyện M, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn L, xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lầu Mí V, sinh năm 1974 và bà Và Thị D, sinh năm 1977; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/6/2022.

- *Người bào chữa cho bị cáo S1, L*: Bà Bùi Thị H- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; vắng mặt, có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo L2, S3 (sinh năm 1997)*: Bà Vương Thị Minh H- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; vắng mặt, có Đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo T, S4 (sinh năm 2001)*: Bà Nguyễn Thị Thanh H- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- *Người phiên dịch*: Bà Sùng Thị C; địa chỉ: Tổ 8, phường Q, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 4 giờ 30 phút ngày 25/6/2022, Đồn biên phòng S trong khi tuần tra, kiểm soát biên giới đã phát hiện 06 đối tượng người Việt Nam gồm: **Vàng Mí L** sinh ngày 27/3/1992, trú tại thôn S, xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang; **Chảo Đức S**, sinh ngày 17/10/1986, trú tại thôn L, xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang; **Thò Mí L2**, sinh ngày 25/5/1997, trú tại: Thôn L, xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang; **Lầu Mí T**, sinh ngày 24/8/1985, trú tại: Thôn K, xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang; **Lầu Mí S3**, sinh ngày 01/01/1997, trú tại: Thôn L, xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang; **Lầu Mí S4**, sinh ngày 11/9/2001, trú tại: Thôn L, xã S, huyện M, tỉnh Hà Giang đang sử dụng xe mô tô đưa 06 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam gồm: **Nhan D**, sinh ngày 01/5/1996, địa chỉ: Số 55, tổ 01, thôn P, trấn H, khu T, thành phố Đ, tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc; **Lam C**, sinh ngày 31/12/1997, địa chỉ: Phòng 304, Thiên Nguyên 1, Đông 5, số 282, đường G, trấn N, thành phố X, tỉnh Quý Châu, Trung Quốc; **La Kiến K**, sinh ngày 05/9/1998, địa chỉ: Tổ T, thôn Q, hương M, huyện T, tỉnh Quý Châu, Trung Quốc; **Triệu Đ**, sinh ngày 24/11/2002, địa chỉ: Số 10, cảng N, khu C, thành phố L, tỉnh Quý Châu, Trung Quốc; **Tào Dương H**, sinh ngày 19/4/2001, địa chỉ: 17-1, Trảng 7, số 51, đường Đ, trấn V, khu V, thành phố Trù Khánh, Trung Quốc; **Chu V**, sinh ngày 25/8/1998, địa chỉ: Số 97, tổ 01, thôn M, khu hành chính P, khu T, thành phố L, tỉnh Quý Châu, Trung Quốc. Đồn Biên phòng S tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang theo quy định của pháp luật.

Trước Cơ quan điều tra, các bị can **Vàng Mí L**, **Chảo Đức S**, **Thò Mí L2**, **Lầu Mí T**, **Lầu Mí S3**, sinh ngày 01/01/1997 và **Lầu Mí S4**, sinh ngày 11/9/2001 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là đưa 06 người Trung Quốc nói trên nhập cảnh vào Việt Nam trái phép. Cụ thể: Chiều 22/6/2022 Vàng Mí L được 01 người phụ nữ gọi điện thuê đi sang Trung Quốc đón người đưa vào Việt Nam đến thị trấn M, xong việc sẽ thanh toán tiền công cho L nhưng L không hiểu hết. Khoảng 30 phút sau có 01 người đàn ông tên C nhà ở đầu cầu T gọi điện cho L bảo đi sang Trung Quốc đón 4 người Trung Quốc đưa đến khu vực đồi thông xã P, C sẽ trả tiền công, L đồng ý.

Chiều ngày 23/6/2022, L gọi điện rủ Thò Mí L2 đi sang Trung Quốc đón người vào Việt Nam, L2 đồng ý. L sang nhà L2 ngủ 01 đêm, đến 8 giờ ngày 24/6/2022, L và L2 vượt biên giới khu vực mốc 499 thuộc địa phận thôn L, xã S, huyện M sang địa phận Trung Quốc chờ đón người. Khoảng 17 giờ, L gọi điện cho Lầu Mí S3, sinh năm 1997 ra khu vực bãi đá thuộc thôn L đợi L, khi nào L đưa người Trung Quốc đến nơi thì cùng nhau đưa ra thị trấn M, đồng thời L nhờ S3 tìm thêm 1 người nữa đến đón người Trung Quốc cùng L, S3 đồng ý. S3 gọi điện cho Lầu Mí S4, sinh năm 2001, rủ S4 đến 21 giờ cùng đi ra bãi đá thôn L để cùng đón người ra thị trấn M. Đến 21 giờ cùng ngày, người dẫn biên đưa 04 người Trung Quốc đến giao cho L, nhận người xong L và L2 đưa 04 người này nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, cùng đi dọc biên giới đến khu vực "đôn cao" thuộc thôn P, xã S, huyện M trốn.

Trước đó, khoảng 14 giờ ngày 24/6/2022, Lò Phàn P, sinh năm 1983, địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện M, tỉnh Hà Giang gọi điện cho Chảo Đức S, bảo S sang nhà P ăn cơm. Tại đây, P cho S biết tối nay có 02 người Trung Quốc đến

biên giới, bảo S gọi điện cho Lâu Mí T cùng đi đón 02 người Trung Quốc này từ mốc 503 thuộc địa phận thôn L, xã S đến thị trấn M, P sẽ trả công cho S 20.000.000^d, T 2.000.000^d, S đồng ý và gọi cho T cùng đi đón người. Khoảng 17 giờ cùng ngày, S, T đi sang xã S, huyện M, khi đến ngã ba đường rẽ lên thôn L, xã S, T để xe máy lại rồi đèo S đi lên chân đồi khu vực mốc 503 thuộc thôn L, xã S, rồi T đi về để S tự đi bộ lên biên giới đón người. Khi đến biên giới, S chờ đến khoảng 20 giờ thì P gọi điện thông báo cho S biết những người Trung Quốc đã đến nơi, S vượt biên giới đón được 2 người Trung Quốc, nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, đi bộ dọc biên giới, đến khu vực "đồn cao", chờ thời cơ đưa đi sâu vào Việt Nam.

Khoảng 1 giờ ngày 25/6/2022, nhóm của L và S gặp nhau tại "đồn cao" rồi cùng trốn tại đây (trước đó L sử dụng ứng dụng Wechat hỏi S đến đâu rồi, S cho biết chưa đến, từ lúc này L và S thường xuyên liên lạc qua Wechat để hỏi về tình hình đưa đón người nhập cảnh trái phép của nhau, thống nhất địa điểm trốn ở "đồn cao", đưa người ra thị trấn M). Sau đó, S gọi điện cho T2 sang đón người Trung Quốc đi vào thị trấn M. T2 đi sang xã S, đi lên "đồn cao" đón S đi xuống khu vực ngã ba đường rẽ lên thôn L lấy xe máy quay ngược lại "đồn cao" đón 02 người Trung Quốc; còn Vàng Mí L gọi cho Lâu Mí S3, sinh năm 1997, bảo S3 lên "đồn cao" đón L xuống lấy xe máy. S3 (sinh năm 1997) và S4 (sinh năm 2001) lúc này đang chờ L ở bãi đá thôn L nghe điện thoại xong liền đi lên "đồn cao" đón L, khi quay xuống thấy L và S3 (sinh năm 1997) nói chuyện với nhau, mặc dù không nghe thấy nội dung, nhưng S4 (sinh năm 2001) mới nghi ngờ L và S3 (sinh năm 1997) thuê mình đón những người Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam. Lấy xe máy xong L dẫn đường, S3 (sinh năm 1997) và S4 (sinh năm 2001) quay lại "đồn cao" đón người Trung Quốc cho L.

Khoảng 3 giờ ngày 25/6/2022 Lâu Mí T2, Thò Mí L2, Lâu Mí S3 (sinh năm 1997), Lâu Mí S4 (sinh năm 2001) mỗi người chở 01 người Trung Quốc, còn S chở 02 người Trung Quốc đi theo hướng thôn T, xã S ra thị trấn M, nhưng do đường xuống dốc khó đi nên đi được 1 đoạn S yêu cầu 01 người sang xe Lâu Mí S3 (sinh năm 1997) đi tiếp, đến 04 giờ 30 phút thì cả 12 người bị đồng biên phòng S bắt quả tang.

Ngoài lần thực hiện hành vi phạm tội ngày 24/6/2022, các bị cáo còn khai nhận trước đó từ giữa tháng 5/2022 đến ngày 19/6/2022 các bị cáo còn tổ chức 05 lần với tổng số 10 người Trung Quốc nhập cảnh Việt Nam trái phép. Cụ thể:

- Lần 1: Khoảng giữa tháng 5/2022, tại nhà Lò Phàn P, P bảo S hôm sau cùng Vàng Mí L sang Trung Quốc đón người Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam, xong việc tiền công sẽ chia đều cho cả ba. Ngày hôm sau, cả ba đi xe máy đến khu vực B thôn L, xã S, giấu xe gần đường. P bảo L gọi người dẫn đường đi sang Trung Quốc, L gọi điện cho Lâu Mí P, sinh ngày 01/01/1985, địa chỉ: Thôn L, xã S, huyện M, bảo P dẫn đường sang Trung Quốc quay về sẽ trả tiền công, P đồng ý và dẫn S, L đi bộ vượt biên qua mốc 499 sang Trung Quốc. Khi đi vào sâu nội địa khoảng 1km thì Lò Phàn P gọi điện thoại qua Wechat thông báo cho

S người Trung Quốc không đến được, cả ba quay về Việt Nam, P trả P 500.000^d tiền công dẫn đường.

- Lần 2: Ngày 27, 28/5/2022, Lò Phàn P tiếp tục bảo S, Vàng Mí L đi sang Trung Quốc qua đường xã S đón 03 người Trung Quốc đưa vào Việt Nam cho P, xong việc P sẽ trả công. Ngày hôm sau P, S, L cùng đi xe máy sang xã S, P bảo L gọi điện thuê P tiếp tục dẫn đường cho L, Sn đi sang Trung Quốc, còn P ở lại gác đường. S, L, P vượt biên giới mốc 499 sang Trung Quốc, đi khoảng hơn 1km P gọi điện thông báo người Trung Quốc không đến được nên yêu cầu cả ba quay về Việt Nam, P trả công cho P 300.000^d.

- Lần 3: Ngày 06,7/6/2022 tại nhà Lò Phàn P, P tiếp tục bảo S và Lâu Mí T2 đi sang Trung Quốc đón người nhập cảnh vào Việt Nam, khi nào xong việc P sẽ trả S 20.000.000^d, T 2.000.000^d, đồng thời P yêu cầu S kết bạn với tài khoản Wechat của người dẫn biên ở Trung Quốc, khi nào đến nơi thì liên lạc để giao nhận người. S, T2 đồng ý rồi đi 2 xe máy đến xã S. Khi đến ngã ba đường rẽ lên thôn L, xã S, S để xe máy lại để T2 đèo lên biên giới khu vực mốc 503, rồi S đi bộ lên mốc, T2 quay về khu vực ngã ba đường rẽ lên thôn L gác đường. Khi đến mốc 503, S liên lạc với người dẫn biên phía Trung Quốc hỏi bao giờ đưa người tới, người này cho biết phải 21 giờ mới đến được. S đi bộ sang đất Trung Quốc nằm ở đây chờ đón người. Khoảng 21 giờ ngày 06/6/2022 thì người dẫn đường ở Trung Quốc đưa 02 người Trung Quốc đến giao cho S, S đưa những người này nhập cảnh vào Việt Nam. Khi đến khu vực thôn L, S gọi điện cho T2 hỏi có đi được không, T2 trả lời là đi được. S liền đưa **2 người Trung Quốc** đến gặp T2. Sau đó, T2 và S mỗi người chở 1 người Trung Quốc qua đường cầu T ra thị trấn M. Khi đến ngã ba xã P, T2 cho người xuống rồi quay về, còn S được P gửi số điện thoại của người đến đón để liên lạc giao người, giao người xong S đi lên nhà nghỉ T ở thị trấn M ngủ, lúc này P cũng có mặt. Sáng hôm sau P trả cho S 9.000.000^d, P bảo chưa thanh toán được hết nên chỉ đưa tạm bằng này, khi về nhà P trả cho T2 2.000.000^d.

- Lần 4: Sáng ngày 14/6/2022 có 01 người phụ nữ gọi điện qua ứng dụng Wechat thuê Vàng Mí L sang Trung Quốc đón 3 người Trung Quốc sang Việt Nam đoạn cách cầu T 1km đi về hướng thị trấn M sẽ có người đến đón, tiền công là 5.000NDT/người. Lừ gọi điện cho Lò Phàn P (lúc này P đang cùng Trương Thị M, địa chỉ thôn N, xã N, thành phố H đi cùng Chảo Đức S đi thăm vợ S ở trại giam Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang), P dặn L cứ đi đón người đi, P và S sẽ lên ngay. P thông báo lại cho S là thằng L gọi điện thoại bảo có việc (ý là có thông báo đón người Trung Quốc vào Việt Nam), phải về ngay.

Khoảng 9 đến 10 giờ ngày 14/6/2022, L đi từ nhà sang xã S, gọi điện thuê Lâu Mí P cùng sang Trung Quốc đón người. Sau khi vượt biên giới tại khu vực mốc 499, đợi đến khoảng 17 giờ thì người dẫn biên ở Trung Quốc đưa đến giao cho L **03 người**, L, P đưa 3 người này vào Việt Nam tại khu vực mốc 499, đưa quay lại B thuộc thôn L, xã S, đến đây thì P đi về nhà, L gọi điện cho Lâu Mí S3, sinh năm 1997, địa chỉ: Thôn L, xã S đến đưa người Trung Quốc vào thị trấn M với giá 1.500NDT, S3 đồng ý.

Khoảng 21, 22 giờ ngày 14/6/2022 sau khi P, S về đến M, P bảo S đi vào S đón người cùng L, còn P ở ngoài xem đường. S và S3 đến thôn L, xã S, sau đó cùng L mỗi người đèo 1 người Trung Quốc đi ra điểm hẹn giao người, nhưng khi đến đoạn UBND xã X cũ thì S3 không dám đi nữa nên để người Trung Quốc lại rồi quay về nhà, còn L, S tiếp tục đưa người đến điểm hẹn giao người. Khi đi qua cầu T khoảng 1km thì gặp một người đàn ông đến nhận người. S giao người xong đi thẳng lên nhà nghỉ T gặp P, L giao người xong được người đàn ông này trả cho 20.000NDT rồi đi ăn tối, sau đó lên nhà nghỉ T ngủ. Sáng hôm sau, L đem 20.000NDT sang phòng P, S ngủ bỏ ra giường và cùng thống nhất, sau khi trừ 1.500NDT tiền công của Lầu Mí S3 (sinh năm 1997), P, S mỗi người nhận được 6.100NDT, L 6.300NDT. Khoảng 2 đến 3 ngày sau, L đến trả cho S3 (SN 1997) 1.500NDT, P 500NDT.

- Lần 5: Sáng ngày 17/6/2022, L gặp Thò Mí L2, L rủ L2 sang Trung Quốc đón người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, tiền công là 300NDT/1 người, L2 đồng ý và bảo L khi nào đi thì gọi L2 đi cùng, hai người cho nhau số điện thoại để liên lạc.

Chiều cùng ngày Lò Phàn P bảo L sang xã S đi sang Trung Quốc đón 3 người Trung Quốc vào Việt Nam cho P, tiền công P sẽ thanh toán sau. L đồng ý rồi đi đến khu vực trạm biển áp thôn L, xã S rồi gọi điện bảo L2 xuống đi sang Trung Quốc đón người nhưng L2 không có xe nên L gọi điện cho S3 (SN 1997) nhờ S3 đèo L2 xuống trạm biển áp gặp L rồi S3 đi về. L, L2 đi bộ lên biên giới mốc 499 vượt biên sang Trung Quốc, đi sâu vào nội địa khoảng 1km, L nói chuyện với người dẫn đường Trung Quốc nói hôm nay người chưa đến được, cả hai ngủ lại 1 đêm. Khoảng 18 giờ ngày 18/6/2022, người dẫn đường đưa đến **3 người trung Quốc**, L và L2 dẫn 03 người này đi bộ nhập cảnh trái phép vào Việt Nam qua mốc 499, nhưng do những người Trung Quốc mệt, đường đi lại khó khăn nên sáng 19/6/2022 mới vào đất Việt Nam.

Trong khi đó, khoảng 12 đến 13 giờ ngày 18/6/2022 P bảo S đi sang S vượt biên sang Trung Quốc đón 02 người Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam, tiền công là 10.000.000^d/1 người, S đi sang trước, T2 sẽ sang hỗ trợ sau, S đồng ý (sau đó P bảo T2 đi sang xã S giúp S, T2 đồng ý). Khoảng 14 giờ, S một mình đi đến xã S, giấu xe ở ngã ba đường rẽ lên thôn L, đi bộ lên mốc 503, khi lên đỉnh dốc S gọi điện hỏi T2 đã sang chưa, T dùng xe máy đi đến xã S. P gọi điện thoại dặn T đứng đợi ở bãi đá thôn L, khi nào S đón được người sẽ liên lạc. S sau khi gọi điện cho T thì đi sang đất Trung Quốc khoảng 20-30 mét chờ, khoảng 21 giờ người dẫn đường đưa **02 người Trung Quốc** giao cho S. S đưa 02 người này nhập cảnh vào Việt Nam, đưa đến chỗ T2 đợi, nhưng khi đang chuẩn bị đưa vào nội địa Việt Nam thì P gọi điện cho S thông báo "tối nay chưa đi được đưa người đi trốn đã, đợi mai L đưa người đến xong sẽ bàn đi như thế nào", S, T2 đưa 2 người Trung Quốc quay lại "đòn cao" trốn đợi nhóm của L.

Đối với L và L2, sáng ngày 19/6/2022 đưa được 3 người Trung Quốc vào địa phận Việt Nam, L gọi điện bảo P đem cơm đến cho ăn. Khoảng 8 giờ cùng ngày P bảo T2 đi xuống đường nhựa lấy cơm lên ăn, đem lên biên giới cho L,

L2. T2 đi xuống đường thấy có 01 người đàn ông (không biết tên) để cơm ở đó rồi đi thẳng, T2 lấy cơm lên chỗ S cùng S ăn cơm rồi đem cơm lên biên giới cho L, L1 và quay về chỗ S trốn. L, L1 ăn cơm xong đưa 03 người Trung Quốc lên "đồn cao" trốn cùng nhóm của S, sau đó L, L1 đi về nhà tiếp tục ăn cơm rồi cùng quay lại "đồn cao".

Sau đó Sn, T2, L, L1 mỗi người đèo 1 người Trung Quốc xuất phát từ "đồn cao" đi ra hướng thị trấn M, còn 1 người Trung Quốc S gọi điện thuê Lầu Mí S3 (SN 1997) đèo ra khu vực đồi thông xã K, huyện M với giá 3.000.000^d, S3 đồng ý và chở người Trung Quốc theo yêu cầu của S, khi đến thôn T, xã S, xe của S3 thùng lốp nên S chở người của S3 vừa chở đi tiếp, được một đoạn thì Thò Mí L2 đến đón 1 người trên xe S cùng nhau đến điểm hẹn. Khi đưa đến điểm hẹn (bãi rác huyện M), có 1 người đàn ông đi xe ô tô loại 7 chỗ màu đen, không biết hãng gì do S gọi sau khi được P gửi số điện thoại đến đón 5 người Trung Quốc. Giao người xong, S, L, T2, L1 đi ra ăn cơm và gặp P tại quán cơm gần thị trấn M. Sau đó, cả 5 người đến nhà nghỉ T ngủ. Sáng hôm sau, P đưa ra 100.000.000^d và thống nhất chia S3 (SN1997) 3.000.000^d, L1 20.000.000^d, P, S mỗi người 26.000.000^d, L 25.000.000^d, T2 3.000.000^d.

Cáo trạng số 33/CT-VKSHG- P1 ngày 25/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Chảo Đức S, Vàng Mí L về tội "Tổ chức cho người nhập cảnh vào Việt Nam trái phép" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự; Lầu Mí T2 về tội "Tổ chức cho người nhập cảnh vào Việt Nam trái phép" theo quy định tại điểm b, c, e khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự; Thò Mí L1, Lầu Mí S3 (sinh năm 1997) về tội "Tổ chức cho người nhập cảnh vào Việt Nam trái phép" theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự; Lầu Mí S4 (sinh năm 2001) về tội "Tổ chức cho người nhập cảnh Việt Nam trái phép" theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Chảo Đức S, Vàng Mí L, Lầu Mí T2, Thò Mí L1, Lầu Mí S3 (sinh năm 1997), Lầu Mí S4 (sinh năm 2001) đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội:

Bị cáo Chảo Đức S trình bày: Bị cáo được Lò Phàn P gọi điện đến nhà trao đổi về việc đưa người Trung Quốc vào Việt Nam và khi bị cáo đưa người Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam đều dưới sự chỉ đạo của P. Ngoài lần bị bắt quả tang, trong tháng 5 đầu tháng 6/2022 bị cáo còn có 5 lần khác sang Trung Quốc đón người vào Việt nam, trong đó có 2 lần không đón được người, 3 lần đón được 10 người, tổng số bị cáo đưa người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam là 6 lần với 16 người, được hưởng lợi 35.000.000^d và 6.100CNY.

Bị cáo Vàng Mí L trình bày: Bị cáo cũng được Lò Phàn P rủ rê thuê đưa người Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam trái phép. Bị cáo trực tiếp đi 5 lần, đưa 14 người Trung Quốc nhập cảnh vào Việt nam, được hưởng lợi 25.000.000^d và 5.800CNY.

Bị cáo Lâu Mí T2 trình bày: Bị cáo được P thuê đi ra biên giới đón người Trung Quốc đưa vào thị trấn M, tỉnh Hà Giang. Bị cáo đưa 3 lần tổng cộng 9 người từ biên giới vào sâu nội địa, được hưởng lợi 5.000.000^d.

Bị cáo Thò Mí L1 trình bày: Bị cáo được L thuê đón người Trung Quốc từ biên giới vào thị trấn M với 2 lần, tổng số 9 người Trung Quốc từ biên giới vào thị trấn M, được hưởng lợi 20.000.000^d.

Bị cáo Lâu Mí S3 (SN 1997) trình bày: Bị cáo được L thuê đón người Trung Quốc từ biên giới vào thị trấn M với 2 lần, tổng số 9 người Trung Quốc từ biên giới vào thị trấn M, được hưởng lợi 3.000.000^d và 1.500CNY.

Bị cáo Lâu Mí S4 (SN 2001) trình bày: Bị cáo được Lâu Mí S3 thuê đón người không nói rõ là người Trung Quốc từ biên giới vào thị trấn M 1 lần duy nhất, cùng với đồng phạm đưa 4 người Trung Quốc từ biên giới vào thị trấn M, chưa được hưởng lợi thì bị bắt.

Các bị cáo đều nhất trí với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa đã đưa ra các chứng cứ, tài liệu luận tội các bị cáo và giữ nguyên nội dung cáo trạng truy tố; phân tích tính chất của vụ án, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả; đánh giá vai trò tham gia thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Chảo Đức S, Vàng Mí L, Lâu Mí T2, Thò Mí L1, Lâu Mí S3 (sinh năm 1997), Lâu Mí S4 (sinh năm 2001) phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép”.

2. Hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Chảo Đức S, Vàng Mí L:

+ Xử phạt bị cáo Chảo Đức S từ 9 đến 10 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 25/6/2022;

+ Xử phạt bị cáo Vàng Mí L từ 8 năm đến 9 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 25/6/2022.

- Áp dụng điểm b, c, e khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lâu Mí T2: Xử phạt bị cáo Lâu Mí T2 từ 8 năm đến 8 năm 6 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 25/6/2022.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Thò Mí L1, Lâu Mí S3 (sinh năm 1997): Xử phạt bị cáo Thò Mí L1, Lâu Mí S3 (sinh năm 1997) mỗi

bị cáo từ 7 đến 8 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 25/6/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lâu Mí S4 (sinh năm 2001): Xử phạt bị cáo Lâu Mí S4 từ 1 đến 2 năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 25/6/2022.

- Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước những tài sản là xe máy, điện thoại mà các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội.

+ Truy thu của các bị cáo:

- Bị cáo Chảo Đức S số tiền 56.078.000^d, được khấu trừ 35.050.000^d, bị cáo còn tiếp tục phải nộp 21.028.000^d nộp ngân sách nhà nước.

- Bị cáo Vàng Mí L số tiền 45.841.000^d, được khấu trừ 10.200.000^d, bị cáo còn tiếp tục phải nộp 34.841.000^d nộp ngân sách nhà nước.

- Bị cáo Lâu Mí T2 số tiền 5.000.000^d nộp ngân sách nhà nước.

- Bị cáo Thò Mí L1 số tiền 20.000.000^d nộp ngân sách nhà nước.

- Bị cáo Lâu Mí S3 (sinh ngày 01/01/1997) số tiền 8.143.000^d nộp ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo T2, S4 (2001) có mặt tại phiên tòa trình bày: Nhất trí với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo T2, S4 (2001) cũng như luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị tuyên các bị cáo phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh vào Việt nam trái phép” theo Điều 348 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội. Khi quyết định hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình của các bị cáo rất khó khăn; nguyên nhân dẫn đến các bị cáo phạm tội là do hiểu biết pháp luật còn hạn chế, đồng phạm giản đơn, không giữ vai trò chính. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế, nhân thân tốt là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt T2 từ 7 đến 8 năm tù, bị cáo S4 (2001) 12 tháng tù.

Người bào chữa cho các bị cáo S, L bà Bùi Thị H; người bào chữa cho bị cáo L1, S3 (1997) bà Vương Thị Minh H có bản luận cứ bào chữa cùng quan điểm với bà Hn: Đề nghị xử phạt các bị cáo S, L, L1, S3 ở mức thấp nhất của khung hình phạt.

Phản tranh luận: Các bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của các Trợ giúp viên pháp lý, không có ý kiến gì bổ sung thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử

xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo với mức thấp nhất, do các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, các bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm được trở về với gia đình và cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Hà Giang, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, những người bào chữa cho các bị cáo S, L, L1, S3 (1997) vắng mặt có Đơn xin xét xử vắng mặt, có bản luận cứ bào chữa. Sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, các bị cáo, xét thấy các bị cáo không có ý kiến, việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 291 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định tiếp tục tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Về tội danh và định khung hình phạt: Tại phiên tòa các bị cáo đã khai và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; lời khai của những người Trung Quốc được đưa vào Việt Nam, phù hợp với Biên bản nhận dạng, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2022 đến ngày 24/6/2022, các bị cáo Chảo Đức S, Vàng Mí L, Lâu Mí T2, Thò Mí L1, Lâu Mí S3 (sinh năm 1997), Lâu Mí S4 (sinh năm 2001) lợi dụng sơ hở của cơ quan chức năng, đưa người nhập cảnh trái phép Việt Nam tại các mốc biên giới 499, 503 thuộc thôn L, xã S, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang đưa sâu vào nội địa. Cụ thể: Bị cáo Chảo Đức S tổ chức 6 lần đưa 16 người nhập cảnh trái phép, được hưởng lợi 35.000.000^d và 6.100CNY; bị cáo Vàng Mí L tổ chức 5 lần đưa 14 người nhập cảnh trái phép, được hưởng lợi 25.000.000^d và 5.800CNY; bị cáo Lâu Mí T2 tổ chức 3 lần đưa 9 người nhập cảnh trái phép, được hưởng lợi 5.000.000^d; bị cáo Thò Mí L1 tổ chức 3 lần đưa 9 người nhập cảnh trái phép, được hưởng lợi 20.000.000^d; bị cáo Lâu Mí S3 (sinh năm 1997) tổ chức 3 lần đưa 9 người nhập cảnh trái phép, được hưởng lợi 3.000.000^d và 1.500CNY; bị cáo Lâu Mí S4 (sinh năm 2001) tổ chức 1 lần đưa 4 người nhập cảnh trái phép, chưa được hưởng lợi thì bị bắt quả tang. Hành vi của các bị cáo

đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức cho nhập cảnh Việt Nam trái phép" quy định tại Điều 348 của Bộ luật hình sự.

[4] Các bị cáo đều là những người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép là vi phạm pháp luật, biết việc tổ chức cho người khác nhập cảnh vào Việt Nam phải do cơ quan, tổ chức được Nhà nước cấp phép thực hiện mới hợp pháp; song với động cơ, mục đích vụ lợi về vật chất, thu lợi bất chính, các bị cáo đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi tổ chức cho người khác nhập cảnh vào Việt Nam trái phép với tổng số là 16 người. Hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp nghiêm trọng và rất nghiêm trọng, thực hiện với lỗi cố ý; xâm phạm trực tiếp đến hoạt động quản lý hành chính nhà nước về lĩnh vực nhập cảnh, xâm phạm vào chính sách đối nội, đối ngoại của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh biên giới. Hành vi của các bị cáo Chảo Đức S, Vàng Mí L đã phạm tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 Bộ luật hình sự với tình tiết định khung "Đối với 11 người trở lên" có mức hình phạt từ 7 đến 15 năm; điểm b, c, e khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự đối với Lầu Mí T2 với tình tiết định khung "Phạm tội 2 lần trở lên", "Đối với từ 5 đến 10 người", "Tái phạm nguy hiểm"; điểm b, c khoản 2 Điều 348 Bộ luật Hình sự đối với Thờ Mí L1, Lầu Mí S3 (1997) với tình tiết định khung "Phạm tội 2 lần trở lên", "Đối với từ 5 đến 10 người có khung hình phạt từ 05 năm đến 10 năm; khoản 1 Điều 348 Bộ luật Hình sự đối với Lầu Mí S4 (sinh năm 2001) có khung hình phạt từ 01 năm đến 5 năm.

[5] Về vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo: Mặc dù các bị cáo không phải là người chủ mưu, khởi xướng, nhưng khi được Lò Phần P, người đàn ông tên C, người phụ nữ không rõ tên, tuổi đặt vấn đề về việc đưa người Trung Quốc sang Việt Nam và được P, những người thuê hứa trả tiền công được hưởng lợi, các bị cáo đã nhận lời. Bị cáo Chảo Đức S là người trực tiếp tổ chức đưa 6 lần với 16 người Trung Quốc vượt biên sang Việt Nam, được hưởng lợi 35.000.000^d và 6.100CNY, S là người giữ vai trò chính trong vụ án, phải chịu trách nhiệm hình sự và mức hình phạt cao nhất. Bị cáo Vàng Mí L tích cực cùng với các bị cáo khác đưa 14 người nhập cảnh trái phép, được hưởng lợi 25.000.000^d và 5.800CNY, được xác định giữ vai trò thứ hai trong vụ án, phải chịu trách nhiệm hình sự và mức hình phạt cao thứ hai. Bị cáo T2 tích cực đưa người vào Việt Nam, bị cáo có 02 tiền án, chưa được xóa án tích, thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nên phải chịu hình phạt cao hơn; các bị cáo L1, S3 (SN 1997) là người trực tiếp đưa người Trung Quốc sang Việt Nam, được xác định giữ vai trò thứ tư trong vụ án, chịu trách nhiệm hình sự và mức hình phạt thấp hơn bị cáo T2; bị cáo S4 (SN2001) lần đầu thực hiện hành vi phạm tội, chưa được hưởng lợi nên phải chịu trách nhiệm thấp nhất trong vụ án.

[6] Các bị cáo tham gia thực hiện hành vi đưa 16 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép Việt Nam, thuộc trường hợp đồng phạm; tuy nhiên, căn cứ vào diễn biến của vụ án thể hiện các đối tượng tham gia thực hiện hành vi phạm tội không có sự câu kết chặt chẽ với nhau nên chỉ thuộc trường hợp đồng phạm gián

đơn, không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức, cần áp dụng Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

[7] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo S, L phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm; là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế; là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự về tù có thời hạn và căn cứ quyết định hình phạt; xử phạt các bị cáo mức hình phạt thật nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo, đảm bảo tính răn đe đối với các bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[10] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, mặc dù các bị cáo (trừ bị cáo Lâu Mí S4, sinh năm 2001) được hưởng lợi ích vật chất nhận tiền công từ việc tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép; Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt tiền đối với các bị cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 348 Bộ luật Hình sự.

[12] Về xử lý vật chứng: Bị cáo S được hưởng 6.100CNY và 35.000.000^d, L được hưởng 5.800 CNY và 25.000.000^d, T2 được 5.000.000^d, L1 20.000.000^d; S3 (SN 1997) được hưởng 1.500CNY và 3.000.000^d từ việc tổ chức cho người khác nhập cảnh vào Việt Nam trái phép, cần truy thu của các bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước.

[13] Căn cứ vào Văn bản số 912/HAG-TH ngày 23/9/2022 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Hà Giang thể hiện, tỷ giá tính chéo của đồng Việt Nam (VND) so với đồng Nhân dân tệ (CNY) tại thời điểm các bị cáo phạm tội: là: 1CNY = 3.455,42VND (một CNY đổi được ba nghìn bốn trăm năm mươi lăm đồng bốn hào hai xu VND). Do đó số tiền bị truy thu: Bị cáo S là $(6.100 \times 3.455,42) = 21.078.000^d$ (Hai một triệu không trăm bảy tám nghìn đồng chẵn) và 35.000.000^d, tổng cộng là 56.078.000^d; bị cáo L $(5.800 \times 3.455,42) = 20.041.000$ và 25.000.000^d, tổng cộng là 45.041.000^d; bị cáo T2 5.000.000^d; bị cáo L1 20.000.000^d; bị cáo Lâu Mí S3 (SN 1997) $(1.500 \times 3.455,42) = 5.183.000^d$ và 3.000.000^d, tổng cộng 8.183.000^d.

[14] Các vật chứng còn lại: Tịch thu, sung quỹ nhà nước những vật chứng các bị cáo sử dụng vào mục đích phạm tội theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/11/2022 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

[15] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 15, Điều 21, Điều

23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[16] Từ những phân tích nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Chảo Đức S, Vàng Mí L, Lầu Mí T2, Thò Mí L1, Lầu Mí S3 (sinh năm 1997), Lầu Mí S4 (sinh năm 2001) về tội "Tổ chức cho người khác nhập cảnh vào Việt Nam trái phép" theo quy định tại Điều 348 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Phát biểu luận tội và đề nghị về tội danh, áp dụng điều luật, hình phạt, án phí của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với các bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Đối với 2 bị cáo Thò Mí L1, Lầu Mí S3 (1997) tham gia với vai trò giúp sức, các bị cáo chỉ nhận người từ biên giới đưa vào nội địa, không trực tiếp sang đất Trung Quốc đón người nên chỉ cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt thấp hơn Kiểm sát viên đề nghị cũng đủ để răn đe, giáo dục các bị cáo.

[17] Phát biểu của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo về cơ bản nhất trí với cáo trạng truy tố các bị cáo, bản luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Người bào chữa cho bị cáo S, L, L1, S3 (1997) đề nghị xử phạt các bị cáo ở mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt là chưa tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[18] Trong vụ án này còn có một số đối tượng liên quan:

[19] Đối với bị can Lò Phàn P đã đi khỏi địa phương, cơ quan điều tra tách vụ án hình sự, tách hành vi để tiếp tục điều tra.

[20] Đối với Lầu Mí P, quá trình điều tra chỉ có Vàng Mí L xác nhận P dẫn đường cho S, L sang Trung Quốc, hiện không có mặt ở địa phương. Cơ quan điều tra tách ra để xử lý nếu có căn cứ.

[21] Đối với người đàn ông tên C, không xác định được anh C có phải là người gọi điện thuê các bị cáo đón người Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh là có căn cứ.

[22] Đối với người phụ nữ gọi điện thuê các bị cáo đưa người Trung Quốc nhập cảnh vào Việt Nam, không xác định được là ai, cơ quan điều tra tách ra điều tra xác minh thêm.

[23] Đối với 06 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam ngày 24/6/2022, Đoàn biên phòng S đã xử phạt vi phạm hành chính theo Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/1/2021 của Chính Phủ là có căn cứ.

[24] Đối với các cá nhân chuyển tiền vào tài khoản của Chảo Đức S, quá trình điều tra xác định P nhờ tài khoản của S nhờ những người này chuyển tiền, S không biết những người này là ai. Cơ quan điều tra tách ra điều tra là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Chảo Đức S, Vàng Mí L, Lâu Mí T2, Thò Mí L1, Lâu Mí S3 (sinh năm 1997), Lâu Mí S4 (sinh năm 2001) phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép”.

2. Hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Chảo Đức S, Vàng Mí L:

+ Xử phạt bị cáo Chảo Đức S 10 (Mười) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 25/6/2022;

+ Xử phạt bị cáo Vàng Mí L 9 (Chín) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 25/6/2022.

- Áp dụng điểm b, c, e khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lâu Mí T2: Xử phạt bị cáo Lâu Mí T2 8 (Tám) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 25/6/2022.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 348; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Thò Mí L1, Lâu Mí S3 (sinh ngày 01/01/1997): Xử phạt các bị cáo Thò Mí L1 và Lâu Mí S3 (sinh ngày 01/01/1997) mỗi bị cáo 6 năm 06 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 25/6/2022.

- Áp dụng khoản 1 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, 38, 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lâu Mí S4 (sinh ngày 11/9/2001): Xử phạt bị cáo Lâu Mí S4 (sinh ngày 11/9/2001) 18 tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 25/6/2022.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng:

- Truy thu của các bị cáo:

+ Chảo Đức S số tiền 56.078.000^d (Năm sáu triệu không trăm bảy tám nghìn đồng chẵn), được khấu trừ 35.050.000^d (Ba mươi lăm triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), bị cáo S còn phải nộp 21.028.000^d (Hai một triệu không trăm hai tám nghìn đồng chẵn);

+ Vàng Mí L số tiền 45.041.000^d (Bốn lăm triệu không trăm bốn một nghìn đồng chẵn) được khấu trừ số tiền 10.200.000^d (mười triệu hai trăm nghìn đồng), bị cáo L còn phải nộp 34.841.000^d (Ba tư triệu tám trăm bốn một nghìn đồng chẵn);

+ Lâu Mí T2 số tiền 5.000.000^d (Năm triệu đồng chẵn);

+ Thò Mí L1 số tiền 20.000.000^d (Hai mươi triệu đồng chẵn);

+ Lâu Mí S3 (SN 1997) số tiền 8.183.000^d (Tám triệu một trăm tám ba nghìn đồng chẵn) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu, sung quỹ nhà nước những vật chứng sau:

+ 01 xe máy của Thò Mí L1 mang BKS: 23H5-4974, nhãn hiệu HONDA, loại xe: WAVE Alpha, màu sơn: xanh trắng, xe cũ, đã qua sử dụng.

+ 01 điện thoại di động của Thò Mí L1 (*loại máy màn hình cảm ứng*) vỏ mặt sau có chữ VIVO, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

+ 01 xe máy của Vàng Mí L; BKS: 23P1-113.72; nhãn hiệu: YAMAHA; loại xe: JUPITER; màu sơn: đỏ đen; xe cũ đã qua sử dụng.

+ 01 điện thoại di động của Vàng Mí L (*loại máy màn hình cảm ứng*), vỏ mặt sau màu xanh, có chữ OPPO, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

+ 01 xe máy của Lầu Mí S4, sinh năm 2001; mang BKS: 23B1-497.45; nhãn hiệu: YAMAHA; loại xe: SIRIUS; màu sơn: đen xám; xe cũ đã qua sử dụng.

+ 01 chiếc điện thoại di động của Lầu Mí S4, sinh năm 2001 (*loại máy màn hình cảm ứng*), vỏ mặt sau màu xanh có chữ VIVO, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

+ 01 xe máy của Lầu Mí S3, sinh năm 1997; mang BKS: 23P1-086.83; nhãn hiệu HONDA; loại xe: BLADE; màu sơn: đỏ đen; xe cũ đã qua sử dụng.

+ 01 chiếc điện thoại của Lầu Mí S3, sinh năm: 1997 (*loại bàn phím bấm*), mặt trước có chữ Masstel, vỏ mặt sau màu đen có chữ Masstel, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

+ 01 xe máy của Chảo Đức S, không có biển kiểm soát; nhãn hiệu: DETECH; loại xe: Espro ERF; màu sơn: xanh đen, xe cũ đã qua sử dụng.

+ 01 chiếc điện thoại của Chảo Đức S (*loại máy màn hình cảm ứng*), vỏ mặt sau màu hồng có chữ VIVO, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

+ 01 chiếc điện thoại di động của Chảo Đức S (*loại máy bàn phím bấm*), mặt trước có chữ NOKIA, vỏ mặt sau màu đen có chữ NOKIA, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

+ 01 chiếc xe máy của Lầu Mí T2; mang BKS: 23P1-117.63; nhãn hiệu HONDA, loại xe: BLADE; màu sơn: đỏ đen; xe cũ đã qua sử dụng.

+ 01 chiếc điện thoại di động của Lầu Mí T2 (*loại bàn phím bấm*), mặt trước có chữ BASE 25, vỏ mặt sau màu đen có chữ GOLY, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

4. **Án phí:** Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12, Điều 15, Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Chảo Đức S, Vàng Mí L, Lầu Mí T2, Thò Mí L1, Lầu Mí S3 (SN 1997), Lầu Mí S4 (SN 2001).

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- PC01, PC02, PC10, PV06 Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Cục THADS tỉnh Hà Giang;
- Những người tham gia tổ tụng;
- Lưu HS.

Đỗ Thị Kim Quy